

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

Bản án số: **388/2023/HSST**

Ngày 26/12/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
2. Ông Lê Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn, thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 26/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 373/2023/HSST ngày 29/11/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 381/2023/QĐXXST-HS ngày 14/12/2023 đối với bị cáo: Họ và tên: Nguyễn Văn D; Sinh ngày 10 tháng 5 năm 2003, tại Thái Nguyên; Nơi cư trú: xóm T, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn : 12/12; Chức vụ (Đảng, đoàn thể, chính quyền) trước khi phạm tội: Không; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2023). *(Có mặt tại phiên tòa);*

Người bào chữa cho bị cáo D là: Bà Lê Thúy H1, sinh năm 1977, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, thuộc sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên. *(Có mặt tại phiên tòa).*

Người bị hại: Chị Hùng Thị Mai Á, sinh năm 1970

Trú quán: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1992. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

Trú quán: Tổ E, phường T, thành phố T.

- **Người chứng kiến:** Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1974.

Trú tại: Tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn D là đối tượng không có nghề nghiệp. Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên D đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhà dân để đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 07 giờ ngày 16/9/2023, D đi bộ vào khu vực bến xe khách T thuộc tổ I, phường Đ, thành phố T mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đi qua khu vực phòng bán vé xe khách D nhìn qua cửa kính thấy không có người quản lý trông coi và nhìn thấy trong ngăn bàn có 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 ProMax, màu xanh, chiếc điện thoại trên là của bà Hùng Thị Mai Á, sinh năm 1970, HKTT: Tổ A, phường P, thành phố T (là nhân viên bán vé tại bến xe khách), D mở cửa đi vào trong phòng, dùng tay phải lấy chiếc điện thoại dấu vào bên trong áo đang mặc rồi nhanh chóng tẩu thoát. Dương cầm chiếc điện thoại trên đến cửa hàng điện thoại “Sáng Trà” do anh Hoàng Văn S (sinh năm 1992, thuộc tổ E, phường T, thành phố T) để bán cho anh S với số tiền 2.000.000 đồng, số tiền trên D đã tiêu sài cá nhân hết 1.990.000 đồng, còn lại 10.000 đồng D đã nộp lại cho Cơ quan Công an. Sau khi bị mất điện thoại chị Hùng Thị Mai Á đến Công an phường Đ trình báo sự việc.

Tại bản Kết luận số 229/HĐĐGTS ngày 25/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax màu xanh, dung lượng 128GB, số IMEI 1: 35788454739732, số IMEI2: 357884546649134, đã qua sử dụng trị giá tài sản 15.500.000 đồng

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên phù hợp với đơn trình báo; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Vật chứng thu giữ; Biên bản đọc video clip thu được tại hiện trường nơi xảy ra vụ việc; Lời khai của người chứng kiến và các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án (BL:48-61; 66;70-81).

Vật chứng của vụ án: - 01 USB nhãn hiệu Kingston màu trắng lưu trữ file video vụ trộm cắp nêu trên, đã qua sử dụng (được niêm phong theo quy định, chuyển theo hồ sơ vụ án). - 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax màu xanh, dung lượng 128GB, số IMEI 1: 35788454739732, số IMEI2:

357884546649134, đã qua sử dụng. Hiện được thu hồi trả lại cho bà Hùng Thị Mai Á là chủ sở hữu quản lý và sử dụng. - Số tiền 10.000 đồng tiền Ngân hàng N1.

Hiện đang được lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng và tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Phần dân sự: - Bà Hùng Thị Mai Á đã nhận lại tài sản không yêu cầu, đề nghị gì. Anh Hoàng Văn S yêu cầu bị can D bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), hiện D chưa bồi thường.

Bản cáo trạng số 383/CT-VKSNDTPTN ngày 09/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố Nguyễn Văn D1 tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần luận tội đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D2 tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt Nguyễn Văn D3 07 đến 9 tháng tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Phần dân sự: Người bị hại đã nhận lại được tài sản; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu đề nghị gì về phần bồi thường dân sự. Do đó không xem xét giải quyết.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án.

Trong phần tranh luận: Luật sư người bào chữa cho bị cáo D là bà H1 nhất trí với bản luận tội của đại diện VKS. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo có nhân thân tốt, gia đình bị cáo lại là hộ nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất của khung hình phạt và miễn hình phạt bổ sung và án phí cho bị cáo theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến bổ sung và không tranh luận. Bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm đoàn tụ cùng gia đình và xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] .Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.. không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] .Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, Kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người liên quan, người chứng kiến. Do đó HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 16/9/2023, tại tổ I, phường Đ, thành phố T, Nguyễn Văn D đã thực hiện hành vi trộm cắp của bà Hùng Thị Mai Á 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax màu xanh trị giá 15.500.000đồng(*Mười năm triệu, năm trăm nghìn đồng*), sau đó bị cáo D bán cho anh S được 2.000.000đ và đã tiêu sài cá nhân. Hiện tài sản bị chiếm đoạt là điện thoại trên đã thu hồi và trả lại cho người bị hại là chị Á quản lý sử dụng.

[3] Đánh giá của Hội đồng xét xử: Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Hùng Thị Mai Á1 cáo Dương đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax màu xanh trị giá 15.500.000đồng của người khác được pháp luật bảo vệ mà cụ thể là của chị Hùng Thị Mai Á2 hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật

Nội dung điều 173 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người đủ năng lực hành vi dân sự, chưa có vi phạm pháp luật gì nhưng lười lao động, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người khác dẫn đến việc trộm cắp tài sản để tiêu sài cá nhân. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Quá trình điều tra thì người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 BLHS

Từ những nội dung nêu trên Hội đồng xét xử thấy: Cần phải xử phạt bị cáo mức án từ 06 đến 09 tháng tù để đảm bảo việc răn đe và phòng ngừa chung và cũng tương xứng với nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và cũng phù hợp với ý kiến của đại diện VKS tại phiên tòa.

[6] Vật chứng của vụ án:- 01 USB nhãn hiệu Kingston màu trắng lưu trữ file video vụ trộm cắp nêu trên, đã qua sử dụng (được niêm phong theo quy định, chuyển theo hồ sơ vụ án). - 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax màu xanh , dung lượng 128GB, số IMEI 1: 35788454739732, số IMEI2: 357884546649134, đã qua sử dụng . Hiện được thu hồi trả lại cho chị Hùng Thị Mai Á là chủ sở hữu quản lý và sử dụng.

- Số tiền 10.000 đồng tiền Ngân hàng N1 thu giữ của bị cáo cần tịch thu sung quỹ nhà nước vì xác định đó là tài sản do phạm tội mà có.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Á đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì.

Quá trình điều tra người liên quan là anh S1 cầu bị cáo D4 bồi thường thiệt hại về tài sản là 2.000.000đ là giá trị chiếc điện thoại mà D đã bán cho anh S. Anh D đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và phần dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với Hoàng Văn S là người đã mua của D 01 chiếc điện thoại di động, nhưng do anh s không biết tài sản trên là do D trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh s.

[9] Về hình phạt bổ sung và án phí: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo là hộ nghèo, không có tài sản riêng và không nghề nghiệp, thu nhập

không ổn định nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo;

Bị cáo, người bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo bản án.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

1. Bị cáo Nguyễn Văn D2 tội “Trộm cắp tài sản”
Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt: Nguyễn Văn D5(sáu)tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/9/2023.
Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về phần bồi thường phần dân sự.

4. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015: Tịch thu sung quỹ nhà nước số 10.000 đồng thu giữ của bị cáo D. Theo uỷ nhiệm chi tháng 12/2023.

Hiện được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên theo tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng số 72 ngày 26/12/2023.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo được miễn án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo; người bị hại, NLQ...
- Lưu HS; lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Duy Chính

